



BẢN TIN

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Thuế | Đầu tư | Ngân hàng | Tài chính doanh nghiệp | Kế toán | Khác

Số 102

Tháng 06/2009

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC cung cấp những thông tin mới nhất về thuế, đầu tư, ngân hàng v.v tại Việt Nam cho các khách hàng thường xuyên của AAC và bạn đọc khác có nhu cầu. Tài liệu này phát hành hàng tháng bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh, và gửi đến bạn đọc thông qua Bưu điện, Fax hoặc bằng E-mail.



□

Từ viết tắt

BTC

Bộ Tài chính

BCT

Bộ Công thương

BLĐTBXH

Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

BXD

Bộ Xây dựng

NHNN

Ngân hàng Nhà nước

TCT

Tổng Cục thuế

TCHQ

Tổng Cục Hải quan

Thuế GTGT

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

NĐ

Nghị định

TT

Thông tư

QĐ

Quyết định

CV

Công văn

Nội dung

Phát hành ngày 06/07/2009

Trang

Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

1. Thuế Giá trị gia tăng	2-4
- Các quy định chung	2
- Thuế suất	2-3
- Hoá đơn chứng từ	3-4
2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5
3. Thuế Thu nhập cá nhân	5-6
4. Thuế khác, phí, lệ phí	6
5. Xuất nhập khẩu	6-8
7. Lao động – Tiền lương	8-9
8. Ngân hàng	9-10
9. Chứng khoán	10
10. Xây dựng	10-11
11. Các quy định khác	11-14
Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 06/2009	14
Danh mục các văn bản mới trong tháng 05 và tháng 06/2009	15

Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

THUẾ GTGT

Quy định chung

Điều kiện áp dụng thuế GTGT 0% đối với vận tải quốc tế và dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải:

Ngày 02/06/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 112/2009/TT-BTC, hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với vận tải quốc tế và dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải.

Theo đó, để được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, dịch vụ vận tải quốc tế phải đáp ứng các điều kiện sau: (1) Có hợp đồng vận chuyển, hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài. Trường hợp hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa; (2) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng hoặc các hình thức thanh toán khác được coi là thanh toán qua ngân hàng. Trường hợp vận chuyển hành khách là cá nhân thì phải có chứng từ thanh toán trực tiếp.

Các dịch vụ ngành hàng hải được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% bao gồm: Dịch vụ lai dắt tàu biển; hoa tiêu hàng hải; cứu hộ hàng hải; cầu cảng, bến phao; bốc xếp; buộc cởi dây; đóng mở nắp hầm hàng; vệ sinh hầm tàu; kiểm đếm, giao nhận. Để được áp dụng thuế suất 0%, các dịch vụ trên phải đảm bảo có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung ứng dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển; Có chứng từ thanh toán dịch vụ ngân hàng của tổ chức, đại lý tàu biển cho cơ sở cung ứng dịch vụ.

Dịch vụ của ngành hàng không được áp dụng thuế suất 0% gồm các dịch vụ thực hiện trong khu vực cảng hàng không quốc tế, sân bay như cung cấp suất ăn hàng không; an ninh bảo vệ tàu bay; soi chiếu an ninh hành khách;... và dịch vụ phục vụ hành khách đi chuyển bay quốc tế từ cảng hàng không Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 17/07/2009

Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư: Đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mới đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh thuế đầu ra, và thời gian đầu tư từ một năm trở lên thì cơ sở kinh doanh vẫn phải lập tờ khai thuế hàng tháng và được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm dương lịch. Nếu số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo quý (3 tháng liên tục không phân biệt theo năm dương lịch).

Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Như vậy, chi phí tiền thuê đất không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình mà được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất nên không thuộc đối tượng được xét hoàn thuế theo quy định nêu trên mà chỉ được xét hoàn thuế GTGT đầu vào của chi phí tiền thuê đất khi dự án đã đi vào hoạt động, phát sinh thuế GTGT đầu ra là đúng với chế độ quy định.

(CV số 2318/TCT-KK ngày 10/06/2009)

Hướng dẫn tạm hoàn thuế GTGT: - Trường hợp trên hợp đồng xuất khẩu có quy định rõ thời hạn thanh toán, và thực tế đã hết thời hạn phải thanh toán ghi trên hợp đồng xuất khẩu nhưng doanh nghiệp không xuất trình được Bảng kê chứng từ đã thanh toán tiền hàng xuất khẩu theo quy định hoặc cam kết của doanh nghiệp về nguyên nhân chưa được thanh toán và thời hạn phía nước ngoài xác định sẽ thanh toán thì hồ sơ hoàn thuế này không được xét tạm hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu chưa được phía nước ngoài thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2009/TT-BTC và Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT.

- Trường hợp trên hồ sơ đề nghị tạm hoàn thuế của doanh nghiệp bao gồm cả số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu và thuế GTGT của hàng hoá bán ra trong nước, thì cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế như sau:

+ Nếu doanh nghiệp tách được số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu và số thuế GTGT đầu ra của hàng hoá bán trong nước: Xem xét giải quyết hoàn số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá bán trong nước đã đủ điều kiện hoàn; số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá thực xuất khẩu đang trong thời gian chưa được phía nước ngoài thanh toán thực hiện tạm hoàn thuế theo quy định tại Thông tư số 04/2009/TT-BTC.

+ Nếu doanh nghiệp không tách được số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá bán trong nước và hàng hoá xuất khẩu: Thực hiện tạm khấu trừ, tạm hoàn thuế (theo tỷ lệ tại Thông tư số 04/2009/TT-BTC) theo hướng dẫn tại Điểm 1.3(c.3) Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT.

Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra sau hoàn thuế phát hiện có số thuế GTGT đầu vào không đủ điều kiện hoàn thì thực hiện thu hồi hoàn thuế tương ứng và xử phạt vi phạm pháp luật về thuế đối với hành vi trốn thuế gian lận thuế theo quy định hiện hành.

(CV số 2245/TCT-KK ngày 05/06/2009)

Hướng dẫn giảm 50% thuế GTGT đối với mặt hàng van và các tư liệu sản xuất khác: Các mặt hàng như van, dụng cụ cắt ống nhựa (nếu là bộ đồ nghề), máy uốn ống, máy bơm, máy châm clorua nếu là sản phẩm cơ khí và là tư liệu sản xuất, mặc dù chưa được định danh chi tiết tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2009/TT-BTC ngày 30/01/2009 vẫn thuộc diện được giảm 50% thuế GTGT. (CV số 2122/TCT-KK ngày 01/06/2009)

Chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng xuất khẩu: Trường hợp bên nhập khẩu là tổ chức kinh tế thanh toán tiền hàng nhập khẩu từ tài khoản tiền gửi vãng lai của cá nhân (người Việt Nam hoặc người nước ngoài) kể cả trường hợp tài khoản của cá nhân được doanh nghiệp nhập khẩu uỷ quyền làm đại diện không được chấp nhận là chứng từ thanh toán qua ngân hàng của đơn vị mua hàng vì vậy đơn vị xuất khẩu không được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu trong trường hợp thanh toán nêu trên. Số thuế GTGT đầu vào không đủ điều kiện được khấu trừ, hoàn thuế được tính vào chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế.

Trường hợp bên nhập khẩu là Doanh nghiệp tư nhân (DNTN), cá nhân kinh doanh mở tài khoản tiền gửi vãng lai tại ngân hàng được phép ở Việt Nam đứng tên chủ DNTN, cá nhân kinh doanh; Chứng từ thanh toán là Giấy báo có của Ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền nhận được từ tài khoản tiền gửi vãng lai nêu trên thì doanh nghiệp xuất khẩu không được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT của hàng hoá xuất khẩu.

(CV số 2109/TCT-KK ngày 01/06/2009)

Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào có giá trị trên 20 triệu đồng: Đối với các hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ ký trước ngày 01/01/2009, bên mua đã tạm ứng tiền trước ngày 01/01/2009 phù hợp với quy định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng, thì vẫn được khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hoá đơn có giá thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên tương ứng với số tiền đã tạm ứng. Trường hợp sau khi bù trừ tiền tạm ứng trước ngày 01/01/2009, phần thanh toán còn lại có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Hai bên mua, bán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của tài liệu và số liệu kê khai.

(CV số 7602/BTC-TCT ngày 28/05/2009)

Kê khai, nộp thuế GTGT: Đối với các trường hợp hàng hoá nhập khẩu không phải nộp thuế GTGT như: nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, quà biếu, quà tặng, hàng viện trợ nhân đạo, hàng hoá viện trợ không hoàn lại nếu đem bán hoặc xuất dùng vào mục đích sử dụng khác thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

Trường hợp hàng hoá thuộc diện không chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo qui định nếu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai, nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu theo qui định với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan. Thời điểm tính thuế GTGT từ thời điểm chuyển mục đích sử dụng.

(CV số 1740/TCT-KK ngày 11/05/2009)

Thuế suất

Thuế GTGT đối với lai dắt tàu biển: Vận tải (không bao gồm vận tải quốc tế) gồm vận tải hàng hoá, hành lý, hành khách, vận tải du lịch bằng đường hàng không, đường bộ, đường sắt và đường thủy, trừ hoạt động môi giới, đại lý chỉ hưởng hoa hồng và không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải hay thuê lại" thuộc diện được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Theo hệ thống ngành kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam thì lai dắt tàu biển thuộc nhóm hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, không phải là vận tải.

Căn cứ hướng dẫn trên, hoạt động lai dắt tàu biển không thuộc đối tượng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT.

(CV số 2411/TCT-CS ngày 15/06/2009)

Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ sửa chữa tàu thuyền: Dịch vụ sửa chữa tàu thủy (gồm cả sửa chữa hoán cải) thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 13/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn quy định: "Tàu, thuyền" thuộc đối tượng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Căn cứ quy định trên:

- Hoạt động đóng mới tàu thủy thuộc đối tượng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009 theo Thông tư số 13/2009/TT-BTC nêu trên.

- Dịch vụ sửa chữa tàu thủy (gồm cả sửa chữa hoán cải và định kỳ) không thuộc đối tượng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT theo Thông tư số 13/2009/TT-BTC nêu trên.

(CV số 2138/TCT-CS ngày 02/06/2009)

Thuế GTGT đối với dịch vụ giám định xuất khẩu: Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ giám định đầu thô xuất khẩu cho khách hàng nước ngoài, dịch vụ giám định đầu thô thực hiện tại Việt Nam để phục vụ cho thị trường nước ngoài, nếu Công ty có hợp đồng ký với khách hàng nước ngoài theo quy định của Luật Thương mại và được khách

Hóa đơn chứng từ

Hóa đơn đối với tiền bồi thường về đất: Đối với khoản bồi thường về đất gồm: bồi thường xây dựng cơ sở mới, hỗ trợ di dời doanh nghiệp, tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách thì không phải nộp thuế GTGT nên khi ghi hoá đơn giá trị gia tăng đối với khoản bồi thường về đất chỉ ghi dòng giá bán là số tiền bồi thường; dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ theo quy định tại khoản 2.1, mục IV phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.

Đối với số tiền đền bù tài sản trên đất (không bao gồm tiền sử dụng đất) thì Công ty phải xuất hoá đơn GTGT và tính thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 1, mục IV Thông tư số 129/2008/TT-BTC.

(CV số 2235/TCT-TTr ngày 04/06/2009)

Chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên: Chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, chứng từ không đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên là chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán và chứng từ thanh toán theo các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ vào các quy định trên:

- Trường hợp doanh nghiệp mua hàng có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thanh toán bằng hình thức bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán hàng thì không được coi là thanh toán qua ngân hàng để được khấu trừ và hoàn thuế GTGT.

- Trường hợp doanh nghiệp mua hàng ứng trước tiền mặt trả cho bên bán với số tiền tạm ứng từ 20 triệu đồng trở lên trước ngày 01/01/2009, sau đó thanh toán bù trừ số tiền còn lại theo hợp đồng sau ngày 01/01/2009, Tổng cục Thuế sẽ có hướng dẫn cụ thể nội dung vướng mắc này.

(CV số 2123/TCT-KK ngày 01/06/2009)

Chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng xuất khẩu: Trường hợp bên nhập khẩu là tổ chức kinh tế thanh toán tiền hàng nhập khẩu từ tài khoản tiền gửi vãng lai của cá nhân (người Việt Nam hoặc người nước ngoài) kể cả trường hợp tài khoản của cá nhân được doanh nghiệp nhập khẩu uỷ quyền làm đại diện không được chấp nhận là chứng từ thanh toán qua ngân hàng của đơn vị mua hàng vì vậy đơn vị xuất khẩu không được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu trong trường hợp thanh toán nêu trên. Số thuế GTGT đầu vào không đủ điều kiện được khấu trừ, hoàn thuế được tính vào chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế.

Trường hợp bên nhập khẩu là Doanh nghiệp tư nhân (DNTN), cá nhân kinh doanh mở tài khoản tiền gửi vãng lai tại ngân hàng được phép ở Việt Nam đứng tên chủ DNTN, cá nhân kinh doanh; Chứng từ thanh toán là Giấy báo có của Ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền nhận được từ tài khoản tiền gửi vãng lai nêu trên thì doanh nghiệp xuất khẩu không được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT của hàng hoá xuất khẩu.

(CV số 2109/TCT-KK ngày 01/06/2009)

Hướng dẫn lập hóa đơn trong một số trường hợp:

1. Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa chịu thuế GTGT phải sử dụng hóa đơn GTGT. Hóa đơn phải được lập ngay khi cung cấp hàng hóa. Trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng không lập hóa đơn GTGT tại thời điểm cung cấp hàng hóa nhưng sau đó có lập hóa đơn GTGT, có kê khai nộp thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa xuất bán thì:

- Cơ sở kinh doanh bán hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định hoặc bị xử phạt theo quy định tại Nghị định 89/2002/NĐ-CP ngày 7/11/2002 của Chính phủ về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn đối với hành vi bán hàng không lập hóa đơn tại thời điểm cung cấp hàng hóa.

- Công ty mua hàng được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào căn cứ theo thời gian ghi trên hóa đơn do cơ sở kinh doanh bán hàng xuất cho đơn vị mua hàng. Trước ngày 1/1/2009, thời gian kê khai khấu trừ tối đa là 3 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh hóa đơn GTGT của cơ sở kinh doanh bán hàng. Từ ngày 1/1/2009, thời gian kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là 6 tháng, kể từ tháng phát sinh hóa đơn GTGT.

2. Trường hợp Công ty chuyển vật tư, hàng hóa, tài sản cho các đơn vị thành viên hạch toán độc lập:

- Nếu Công ty góp vốn bằng vật tư, hàng hóa vào các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản nằm trong giá trị vốn góp theo nghĩa vụ thì Công ty không phải xuất hóa đơn GTGT, không phải kê khai nộp thuế.

- Nếu Công ty điều chuyển vật tư, hàng hóa, tài sản sang các đơn vị thành viên hạch toán độc lập thì Công ty phải xuất hóa đơn GTGT và phải kê khai, nộp thuế.

(CV số 7619/BTC-TCT ngày 28/05/2009)

THUẾ TNDN

Chi phí lãi tiền vay: Trường hợp Công ty đầu tư vốn cho các công ty con có phát sinh khoản chi phí lãi tiền vay mà khoản chi phí lãi tiền vay này không phải là khoản lãi vay để góp vốn điều lệ thì Công ty được hạch toán vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế (không phân biệt khoản chi phí lãi vay này dùng để hoạt động sản xuất kinh doanh hay dùng để đầu tư vốn).

(CV số 7619/BTC-TCT ngày 28/05/2009)

THUẾ TNCN

Nghị quyết về miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân

Ngày 19/06/2009, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 32/2009/QH12 về điều chỉnh mục tiêu tổng quát, một số chỉ tiêu kinh tế, ngân sách nhà nước, phát hành bổ sung trái phiếu Chính phủ năm 2009 và miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân.

Theo đó, Quốc hội quyết định miễn toàn bộ số thuế thu nhập cá nhân từ tháng 01/2009 đến hết tháng 06/2009 đã giãn thời gian nộp thuế cho các đối tượng; tiếp tục miễn số thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/07/2009 đến hết năm 2009 đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại.

Bên cạnh đó, Quốc hội cũng điều chỉnh chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2009 là khoảng 5%, chỉ số giá tiêu dùng dưới 10%, chỉ tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu 3%, mức bội chi ngân sách nhà nước không quá 7%GDP.

Chính phủ phát hành bổ sung 20 nghìn tỷ đồng vốn trái phiếu chính phủ để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án, công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục theo mục tiêu đã được Quốc hội quyết định; đồng thời bổ sung mục tiêu đầu tư xây dựng ký túc xá cho sinh viên và các dự án cấp bách, nhất là ở các địa phương nghèo, kinh tế chậm phát triển.

Cấp hoá đơn lẻ cho cá nhân cho thuê nhà, tài sản: Cá nhân kinh doanh (trừ trường hợp cho thuê nhà, tài sản) hoặc cá nhân bán tài sản có yêu cầu cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ thì phải tạm nộp thuế TNCN; mức thuế TNCN tạm nộp là 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động bán lô hàng hoặc tài sản. Cá nhân kinh doanh yêu cầu cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ phải tạm nộp thuế TNCN đồng thời với việc nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) khi được cấp hoá đơn lẻ.

Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên, cá nhân cho thuê nhà, tài sản không phải tạm nộp thuế TNCN 10% khi cấp hoá đơn lẻ. Cá nhân cho thuê nhà, tài sản thực hiện khai, nộp thuế TNCN theo quy định tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân với cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

(CV số 2434/TCT-CS ngày 16/06/2009)

Thuế TNCN đối với tiền thuê nhà: Khoản tiền thuê nhà do đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ: tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế chi trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà).

Theo hướng dẫn trên thì trường hợp cá nhân người nước ngoài làm việc trong Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, được đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ khoản tiền thuê nhà đồng thời tại hai nơi thì phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người nước ngoài tổng số tiền thuê nhà được doanh nghiệp chi trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà).

(CV số 2366/TCT-TNCN ngày 11/06/2009)

Chính sách thuế đối với các trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài:

- Trường hợp Công ty Việt Nam ký hợp đồng với tổ chức nước ngoài để thuê chuyên gia nước ngoài thì tổ chức nước ngoài phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông tư 134/2008/TT-BTC. Cá nhân nước ngoài là các phi công, tiếp viên, chuyên gia kỹ thuật và các chuyên gia tư vấn khác phải nộp thuế TNCN theo hướng dẫn tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

- Trường hợp cá nhân nước ngoài ký hợp đồng trực tiếp với Công ty Việt Nam để cung cấp dịch vụ cho Công ty Việt Nam thì cá nhân nước ngoài nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC và nộp thuế TNCN theo hướng dẫn tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

- Trường hợp Công ty Việt Nam ký hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động với cá nhân nước ngoài, trả thu nhập tiền lương, tiền công thì việc kê khai nộp thuế TNCN đối với cá nhân nước ngoài có thu nhập từ tiền lương tiền công theo hướng dẫn tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

(CV số 2215/TCT-CS ngày 04/06/2009)

Thuế TNCN đối với cá nhân sáng lập Công ty TNHH một thành viên: Trường hợp khoản lợi nhuận thực hiện của Công ty TNHH một thành viên do một cá nhân sáng lập, sau khi nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN, thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ công ty thì phần thu nhập còn lại của thành viên góp vốn được xác định là thu nhập chịu thuế và phải kê khai nộp thuế như sau:

- Nếu thành viên góp vốn rút lợi nhuận ra khỏi công ty thì phải kê khai, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn với thuế suất 5% ngay khi rút lợi nhuận.

- Nếu thành viên góp vốn dùng lợi nhuận để ghi tăng vốn điều lệ của công ty thì chưa phải nộp thuế ngay mà sẽ nộp thuế TNCN đối với hoạt động đầu tư vốn với thuế suất 5% khi thành viên góp vốn bán doanh nghiệp hoặc khi đình chỉ hoạt động của doanh nghiệp.

(CV số 7083/BTC-TCT ngày 22/05/2009)

Thuế TNCN đối với các khoản trợ cấp, phụ cấp do BHXH chi trả: các khoản phụ cấp, trợ cấp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công bao gồm: Trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Trợ cấp một lần khi sinh con, nhận con nuôi; Trợ cấp do suy giảm khả năng lao động; Trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng; Các khoản trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp; Các khoản trợ cấp khác do Bảo hiểm xã hội trả.

Theo hướng dẫn nêu trên thì tất cả các khoản thu nhập mà người lao động nhận được từ Bảo hiểm xã hội đều được trừ trước khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công. *(CV số 1697/TCT-TNCN ngày 07/05/2009)*

THUẾ KHÁC, PHÍ, LỆ PHÍ

Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên

Ngày 17/06/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 124/2009/TT-BTC, hướng dẫn thi hành Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Điều 6 Pháp lệnh thuế Tài nguyên.

Theo đó, Thông tư hướng dẫn cụ thể về đối tượng nộp thuế; đối tượng chịu thuế; căn cứ tính thuế; thuế suất; miễn, giảm thuế tài nguyên và tổ chức thực hiện các quy định tại Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009. Riêng thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác dầu mỏ, khí đốt, khí than được thực hiện theo văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Việc miễn, giảm thuế tài nguyên được thực hiện đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ bằng phương tiện có công suất lớn (từ 90 mã lực trở lên) được miễn thuế tài nguyên trong năm năm đầu kể từ khi được cấp giấy phép khai thác và giảm 50% trong năm năm tiếp theo; miễn thuế tài nguyên đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình hoạt động đánh bắt hải sản, sản xuất muối chưa qua chế biến cho năm 2009 và đến hết năm 2010; miễn thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng vào sản xuất thủy điện không đủ điều kiện hòa vào mạng lưới điện quốc gia; tổ chức, cá nhân khai thác đất sử dụng không nhằm mục đích kinh doanh được miễn thuế tài nguyên.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 31/07/2009, thay thế Thông tư số 42/2007/TT- BTC ngày 27/4/2007.

XUẤT NHẬP KHẨU

Hướng dẫn quản lý hải quan đối với kinh doanh bán hàng miễn thuế

Ngày 16/06/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 120/2009/TT- BTC, hướng dẫn thi hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, hàng hóa nhập khẩu chưa nộp thuế đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được quản lý theo chế độ hàng tạm nhập và được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng nhập khẩu.

Các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, hàng điện máy bán tại cửa hàng miễn thuế phải được dán tem "VIETNAM DUTY NOT PAID" lên từng mặt hàng.

Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế và hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được coi là hàng hóa xuất khẩu và quản lý theo chế độ hàng tạm xuất, được lưu lại tại cửa hàng miễn thuế trong thời hạn không quá 365 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu

Hàng hóa kinh doanh bán hàng miễn thuế quản lý theo chế độ hàng tạm nhập, tạm xuất, do vậy, thương nhân hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm khi làm thủ tục hải quan cũng như khi bán hàng.

Hải quan không thực hiện niêm phong kho hàng, cửa hàng và không trực tiếp giám sát việc bán hàng. Hải quan quản lý theo dõi mặt hàng nhập khẩu, xuất khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế bằng hình thức mở sổ theo dõi hoặc theo dõi trên máy tính nối mạng giữa Hải quan với thương nhân.

Ngoài ra, Bộ Tài chính còn quy định cụ thể về định lượng và điều kiện với các đối tượng được mua hàng miễn thuế, cụ thể người xuất cảnh, quá cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế cửa khẩu xuất cảnh; người chờ xuất cảnh mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội thành; hàng khách trên tàu bay xuất cảnh mua hàng miễn thuế trên tàu bay; cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, người hưởng chính sách ưu đãi về thuế mua hàng miễn thuế trong nội thành...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 31/07/2009 và bãi bỏ Quyết định số 77/2004/QĐ- BTC ngày 28/09/2004.

[Điều chỉnh thuế xuất khẩu quặng Apatit](#)

Ngày 17/06/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2009/TT-BTC, điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng quặng Apatit thuộc nhóm 2510 quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, Bộ Tài chính điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế xuất khẩu của mặt hàng quặng Apatit thuộc nhóm 2510 quy định tại Danh mục sửa đổi Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 123/2008/QĐ-BTC ngày 26/12/2008, từ mức 10% xuống còn 7%.

Thông tư này có hiệu lực thi hành và áp dụng đối với các tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 01/08/2009.

[Hướng dẫn nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép hồi hương](#)

Ngày 09/06/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 118/2009/TT-BTC, hướng dẫn việc nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam.

Theo đó, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được cơ quan Công an Việt Nam hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam (đã được cấp sổ hộ khẩu thường trú tại Việt Nam) được nhập khẩu 01 chiếc xe ô tô cá nhân đang sử dụng.

Xe ô tô đang sử dụng phải được đăng ký sử dụng ở nước định cư hoặc nước mà người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc (khác với nước định cư) trước thời điểm hoàn tất thủ tục cấp sổ hộ khẩu thường trú tại Việt Nam của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép hồi hương.

Thủ tục nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng được thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu theo quy định hiện hành đối với xe ô tô đã qua sử dụng. Riêng đối với người Việt Nam định cư ở các nước có chung biên giới đất liền được phép hồi hương thì được làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô tại cửa khẩu quốc tế đường bộ.

Thủ tục nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng hóa nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Cục Hải quan tỉnh, thành phố tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng để cấp, quản lý giấy phép nhập khẩu xe ô tô theo quy định hiện hành cho người được phép hồi hương có địa chỉ cư trú trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi Cục Hải quan tỉnh, thành phố đóng trụ sở chính.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 24/07/2009, bãi bỏ Thông tư liên tịch số 27/2001/TTLT/BTM-TCHQ ngày 06/12/2001

[Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN](#)

Ngày 22/05/2009, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 12/2009/TT-BCT về thực hiện quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN

Theo đó, hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ của một nước thành viên từ một nước thành viên khác được coi là có xuất xứ và đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan nếu hàng hóa đó đáp ứng một trong các quy định về xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên xuất khẩu hoặc đáp ứng được các quy định về không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên xuất khẩu.

Hàng hoá có không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên xuất khẩu được coi là có xuất xứ tại Nước thành viên nơi diễn ra việc sản xuất hoặc chế biến hàng hoá đó nếu có hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không dưới 40%. Tất cả nguyên vật liệu không có xuất xứ sử dụng để sản xuất ra hàng hoá đó trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hoá (CTC) ở cấp 4 số (có nghĩa là thay đổi nhóm) của Hệ thống Hải hoà. Mỗi Nước thành viên cho phép người xuất khẩu hàng hoá được quyết định sử dụng một trong hai tiêu chí "RVC không dưới bốn mươi phần trăm (40%)" hoặc "chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp 4 số" để xác định xuất xứ hàng hoá...

Ngoài ra, Bộ Công thương còn hướng dẫn cụ thể về hàng hóa được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu D (C/O form D), trách nhiệm của người đề nghị cấp C/O, trách nhiệm của tổ chức cấp C/O và thủ tục cấp C/O.

Thời hạn cấp C/O là không quá ba (03) ngày làm việc kể từ thời điểm người đề nghị cấp C/O nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trừ trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ hoặc bị phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các C/O đã cấp trước đó thì thời hạn cấp C/O là không quá 5 ngày làm việc.

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24/07/2008

[Giảm thuế nhập khẩu dầu mazut](#)

Ngày 29/05/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 108/2009/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo đó, thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng nhiên liệu đốt mazut (2710.19.79.00) được Bộ Tài chính điều chỉnh giảm 5%, xuống còn 30%.

Các mặt hàng xăng động cơ, xăng máy bay, nhiên liệu dùng cho động cơ tốc độ cao và nhiên liệu diesel khác giữ nguyên mức thuế suất 20% như hiện hành.

Nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23oC trở lên; nhiên liệu động cơ tuốc bin dùng cho hàng không (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23oC có mức thuế nhập khẩu 25%.

Mức thuế suất này áp dụng đối với các tờ khai Hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 05/06/2009. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 29/5/2009 và bãi bỏ Thông tư số 73/2009/TT-BTC ngày 13/04/2009.

[Quy định về việc xuất nhập khẩu hàng hoá qua cửa khẩu](#)

Ngày 03/06/2009, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 13/2009/TT-BCT, quy định xuất nhập khẩu hàng hoá qua các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới nằm ngoài các Khu kinh tế cửa khẩu.

Theo đó, các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới nằm ngoài các Khu kinh tế cửa khẩu phải có đủ các lực lượng Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch và cơ sở kỹ thuật bảo đảm quản lý nhà nước mới được thực hiện việc xuất nhập khẩu hàng hoá.

Hàng hoá được phép nhập khẩu tại các cửa khẩu phụ nêu trên là nguyên, nhiên vật liệu, vật tư phụ vụ sản xuất trong nước bao gồm 13 mặt hàng: bột mỳ; khoáng sản; vật liệu nổ công nghiệp; cao su và các sản phẩm từ cao su; gỗ các loại; nhựa nguyên liệu; nguyên, phụ liệu dệt, may, da; sắt và thép các loại; hạt điều thô; đậu tương; nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; vật liệu quý hiếm; kim loại và phế liệu kim loại.

Ngoài ra, các mặt hàng nhập khẩu là nguyên liệu thuốc lá; hoá chất công nghiệp; than mỡ và than cốc; phân bón các loại thì phải có sự đồng ý của bằng văn bản của Bộ Công thương.

Hàng hoá xuất khẩu hợp pháp theo quy định hiện hành được xuất khẩu qua các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới nằm ngoài các Khu kinh tế cửa khẩu. Riêng đối với hàng hoá xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Công thương.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/07/2009.

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

[Quy định mới về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam](#)

Ngày 18/06/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg, ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam.

Theo đó, nhà đầu tư có thể góp vốn dưới 3 hình thức khác nhau: mua lại phần vốn góp của thành viên công ty TNHH, góp vốn vào công ty TNHH để trở thành thành viên mới; mua lại vốn góp của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh hoặc góp vốn vào công ty hợp danh để trở thành thành viên góp vốn mới; mua lại phần góp vốn của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc góp vốn với chủ doanh nghiệp tư nhân để chuyển đổi hình thức công ty.

Nhà đầu tư cũng có thể mua cổ phần dưới 4 hình thức khác nhau, gồm: Mua cổ phần phát hành lần đầu của các công ty cổ phần; mua cổ phần phát hành lần đầu của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa; mua cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần hoặc mua lại cổ phần của các cổ đông trong công ty cổ phần.

Tỷ lệ mức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh thương mại dịch vụ tuân theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đối với doanh nghiệp Việt Nam hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực thì nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần không quá mức của ngành nghề, lĩnh vực có quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thấp nhất. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần theo tỷ lệ, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng cổ phiếu để cầm cố trong quan hệ tín dụng; được tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán khi công ty cổ phần niêm yết; được chuyển đổi ra ngoại tệ các khoản thu hồi vốn đầu tư có lợi nhuận để chuyển ra nước ngoài.

Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc cá nhân chỉ có quyền mua cổ phần, góp vốn khi có tài khoản vốn đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam; có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương chứng minh tư cách pháp lý. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân phải có bản sao hộ chiếu còn giá trị.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/08/2009, thay thế Quyết định số 36/2003/QĐ-TTg ngày 11/03/2003.

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

[Quy định mới về hợp đồng lao động](#)

Ngày 26/05/2009, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 17/2009/TT-BLĐTBXH, sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ về hợp đồng lao động.

Theo đó, hợp đồng lao động giao kết với người đang hưởng lương hưu hàng tháng và người làm việc có thời hạn dưới 03 tháng thì ngoài phần tiền lương theo công việc, người lao động còn được người sử dụng lao động thanh toán khoản tiền tính theo tỷ lệ phần trăm so với tiền lương theo hợp đồng lao động gồm tiền nghỉ hàng năm 4%; bảo hiểm y tế 2%; tiền tàu xe đi lại khi nghỉ hàng năm do hai bên thỏa thuận trong HĐLĐ và bảo hiểm xã hội với mức 15% từ ngày 10/7/2009 đến tháng 12/2009, mức 16% từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2011, mức 17% từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2013, và mức 18% từ tháng 01/2014 trở đi. Theo Thông tư 21/2003/TT-BLĐTBXH thì tỷ lệ % hưởng BHXH nói trên được quy định chung ở mức 15%

Thông tư này cũng hướng dẫn chi tiết hơn về cách tính và chi trả tiền trợ cấp thôi việc trong các trường hợp cụ thể. Nếu người lao động thực hiện nhiều HĐLĐ tại một doanh nghiệp mà khi chấm dứt từng HĐLĐ chưa thanh toán trợ cấp thôi việc thì doanh nghiệp cộng thời gian làm việc theo các HĐLĐ để tính trợ cấp thôi việc cho người lao động. Trường hợp, có HĐLĐ do người lao động đơn phương chấm dứt trái pháp luật thì thời gian làm việc theo HĐLĐ đó không được tính trợ cấp thôi việc; Nếu người lao động làm việc cho công ty nhà nước nhưng có thời gian làm việc theo chế độ biên chế và có cả thời gian làm việc theo hợp đồng lao động thì cộng cả hai loại thời gian này để tính trợ cấp thôi việc...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/7/2009.

Tuổi của người tham gia BHXH tự nguyện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 28/12/2007 của Chính phủ thì nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi đã có từ đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên mà chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được đóng tiếp cho đến khi đủ 20 năm.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên thì trường hợp nam đã quá 60 tuổi, nữ đã quá 55 tuổi, có từ đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần, có nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thì được đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm đóng. **(CV số 1629/LĐTBXH-BHXH ngày 18/05/2009)**

Mức lương tối thiểu để tính đơn giá tiền lương: Khi xây dựng đơn giá tiền lương, công ty nhà nước được quyền lựa chọn mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng và không quá 2,34 lần so với mức lương tối thiểu chung để làm cơ sở tính đơn giá tiền lương nhưng phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 206/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và thu nhập trong công ty nhà nước. Ngoài các điều kiện trên, nếu công ty bảo đảm lợi nhuận kế hoạch cao hơn thì 5% trở lên so với lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì công ty được áp dụng mức lương tối thiểu cao hơn không quá 3 lần so với mức lương tối thiểu chung để tính đơn giá tiền lương. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ thì công ty được quyền lựa chọn mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng để tính đơn giá tiền lương (không khống chế mức trần) nhưng phải bảo đảm điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 86/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ quy định quản lý lao động và tiền lương trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. **(CV số 1622/LĐTBXH-LĐTL ngày 18/05/2009)**

NGÂN HÀNG

Sửa đổi quy định về cho vay có bảo đảm bằng giấy tờ có giá

Ngày 27/05/2009, NHNN đã ban hành Thông tư số 11/2009/TT-NHNN, sửa đổi Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 03/2009/TT-NHNN ngày 02/03/2009 quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng.

Theo đó, NHNN sẽ xem xét cho vay cầm cố đối với các ngân hàng được bảo đảm bằng các giấy tờ có giá có đủ (3) tiêu chuẩn sau: được phép chuyển nhượng; thuộc sở hữu hợp pháp của ngân hàng xin vay; có thời hạn còn lại tối thiểu bằng thời gian vay.

Như vậy, giấy tờ có giá được cầm cố không nhất thiết phải được phát hành bằng đồng Việt Nam như quy định trước đây tại Thông tư 03/2009/TT-NHNN. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11/07/2009.

Một số hướng dẫn về cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Ngày 28/5/2009, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 12/2009/TT-NHNN, hướng dẫn một số nội dung trong cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại ban hành theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, các NHTM căn cứ vào cơ chế điều hành lãi suất hiện hành, tình hình nguồn vốn, khả năng tài chính, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường trong từng thời kỳ, điều kiện thực tế của doanh nghiệp và chính sách khách hàng của mình để xem xét, quyết định mức lãi suất cho vay phù hợp, bảo đảm tính ưu đãi về lãi suất cho vay thực tế đối với doanh nghiệp được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh theo quy định, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp hạ thấp chi phí và thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Nếu các khoản cho vay thuộc diện được hỗ trợ lãi suất thì NHTM thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Thời gian xem xét và ký Hợp đồng tín dụng với doanh nghiệp chậm nhất sau 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ của doanh nghiệp và văn bản chấp thuận bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. NHTM chỉ thực hiện giải ngân vốn vay cho doanh nghiệp sau khi nhận được Hợp đồng bảo lãnh vay vốn (bản

Sau 1 ngày làm việc kể từ khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc thời hạn trả nợ mà khách hàng không trả được nợ, NHTM có văn bản gửi Ngân hàng Phát triển Việt Nam yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Trong trường hợp Ngân hàng Phát triển Việt Nam từ chối nghĩa vụ bảo lãnh, NHTM phải có văn bản đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện các thủ tục bàn giao tài sản thế chấp bảo lãnh để NHTM thực hiện việc xử lý, thu hồi nợ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11/07/2009.

CHỨNG KHOÁN

Sửa đổi Quy chế tổ chức và quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại TTGDCK Hà Nội

Ngày 23/06/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 128/2009/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 108/2008/QĐ-BTC ngày 20/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo đó, thành viên có đăng ký nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua và bán cùng một loại cổ phiếu trong một ngày giao dịch nhằm thực hiện vai trò người tạo lập thị trường. UBCKNN hướng dẫn chi tiết việc thực hiện cơ chế này.

Đối với thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch, Bộ Tài chính quy định lại là Công ty đại chúng phải tiến hành các thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán với Trung tâm Lưu ký chứng khoán theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. TTLKCK quy định cụ thể về thủ tục đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quy định về phát hành trái phiếu quốc tế

Ngày 04/06/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2009/NĐ-CP về phát hành trái phiếu quốc tế.

Nghị định này điều chỉnh hoạt động vay, trả nợ nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường tài chính quốc tế của Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, Chính phủ chỉ phát hành trái phiếu quốc tế để huy động vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm của quốc gia, các dự án đầu tư có hiệu quả, có khả năng trả nợ. Các doanh nghiệp trực tiếp phát hành trái phiếu quốc tế phải tuân thủ nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động được từ phát hành.

Trái phiếu quốc tế chỉ được phát hành khi có đủ các điều kiện: (1) Có đề án phát hành trái phiếu được các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt; (2) Trị giá phát hành trái phiếu quốc tế phải nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm; (3) Các chương trình, dự án được xác định là trọng điểm quốc gia hoặc các dự án đầu tư được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định là có hiệu quả, đã hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư theo quy định; (4) Đối với các trường hợp phát hành theo các hình thức trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu bảo đảm bằng các hình thức khác nhau cần tuân thủ các quy định hiện hành; (5) Đáp ứng yêu cầu cả thị trường quốc tế về hệ số tín nhiệm để phát hành; (6) Người phát hành đã hoàn chỉnh hồ sơ phát hành theo đúng luật pháp nước ngoài áp dụng cho từng đợt phát hành, cho từng loại hình phát hành và pháp luật Việt Nam.

Doanh nghiệp có nhu cầu cấp bách về vốn để thực hiện các dự án đầu tư của Nhà nước nhưng chưa đủ điều kiện để tự phát hành có thể phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường vốn quốc tế có sự bảo lãnh Chính phủ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/07/2009.

XÂY DỰNG

Sửa đổi các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản

Ngày 19/06/2009, Quốc hội đã thông qua Luật số 38/2009/QH12, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản.

Theo đó, có 2 điểm mới được bổ sung vào điều 12 (các hành vi bị cấm trong đấu thầu) trong Luật đấu thầu: việc sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước có đủ khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu; Bên mời thầu không bán hồ sơ mời thầu cho nhà thầu theo thời gian được xác định tại thông báo mời thầu, thư mời thầu được bổ sung vào nội dung .

Quốc hội cũng thống nhất cấp một loại giấy là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối với nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xác nhận quyền sở hữu vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại khoản này khi có yêu cầu của chủ sở hữu.

Các loại Giấy chứng nhận đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, xây dựng, dân sự trước ngày 1/8/2009, bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, vẫn có giá trị pháp lý và không phải đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

Cũng theo Luật này, các doanh nghiệp có vốn ĐTNN sẽ có quyền đăng ký lại để hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư trong thời hạn 05 năm tính từ ngày 01/7/2006 thay vì thời hạn 02 năm như trước đây.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2009.

[Hướng dẫn về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng](#)

Ngày 24/06/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 12/2009/TT-BXD, hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

Theo đó, người được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phải là người có quyền công dân và có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có đạo đức nghề nghiệp; có hồ sơ xin cấp chứng chỉ và nộp đủ lệ phí theo quy định và có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành phù hợp với nội dung đăng ký hành nghề.

Đối với kiến trúc sư, ngoài điều kiện nói trên, để được cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng phải có kinh nghiệm công tác thiết kế từ 5 năm trở lên và đã tham gia thực hiện thiết kế kiến trúc ít nhất 5 công trình hoặc 5 đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Đối với kỹ sư, phải có kinh nghiệm về lĩnh vực xin đăng ký hành nghề ít nhất 5 năm và đã tham gia thực hiện thiết kế hoặc khảo sát ít nhất 5 công trình...

Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng bao gồm đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu, bản sao các văn bằng chứng chỉ liên quan đến nội dung xin cấp chứng chỉ hành nghề, bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực xin cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu.

Cá nhân là công chức đang làm công việc quản lý hành chính Nhà nước thì không được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng. Thời hạn cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10/08/2009, thay thế Quyết định số 91/BXD-ĐT ngày 16/04/1993, Quyết định số 23/2000/QĐ-BXD ngày 13/11/2000, Quyết định số 12/2005/QĐ-BXD ngày 18/04/2005 và Quyết định số 15/2005/QĐ-BXD ngày 25/04/2005.

[Quản lý dự án xây dựng nhà ở cho sinh viên, công nhân KCN và người có thu nhập thấp](#)

Ngày 15/06/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 10/2009/TT-BXD, hướng dẫn quản lý dự án đầu tư xây dựng nhà ở sinh viên, nhà ở công nhân khu công nghiệp và nhà ở thu nhập thấp. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/06/2009.

Theo đó, đối với các dự án nhà ở cho sinh viên có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhà ở sinh viên tập trung, các dự án nhà ở trong khuôn viên của các cơ sở đào tạo sử dụng vốn ngân sách nhà nước có trong danh mục dự án đã được Bộ Xây dựng tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định các dự án này. Đối với các dự án nhà ở cho sinh viên không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, dự án nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp, doanh nghiệp đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án.

Trình tự triển khai dự án được thực hiện theo ba giai đoạn: (1) Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Người quyết định đầu tư xác định và giao chủ đầu tư các dự án nhà ở theo quy định, chủ đầu tư lập tờ trình đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng để trình người quyết định đầu tư phê duyệt, người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án; (2) Giai đoạn thực hiện đầu tư: Chủ đầu tư thực hiện thủ tục xin giao đất hoặc thuê đất để thực hiện dự án, thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có), chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thực hiện khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, Nhà thầu tiến hành khảo sát xây dựng, chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán trình chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt, Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thi công xây dựng và Nhà thầu thực hiện thi công xây dựng công trình; (3) Kết thúc dự án đưa vào sử dụng: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa dự án vào khai thác sử dụng và tổ chức lập quyết toán vốn đầu tư trình người quyết định đầu tư phê duyệt, Chủ đầu tư xây dựng phương án và giá cho thuê (đối với dự án nhà ở thu nhập thấp, chủ đầu tư xây dựng phương án và duyệt giá bán, cho thuê, cho thuê mua sau khi đã được UBND cấp tỉnh thẩm định), Nhà thầu thực hiện bảo hành; đơn vị quản lý, vận hành thực hiện bảo trì công trình.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/08/2009.

QUY ĐỊNH KHÁC

[Bổ sung vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích](#)

Ngày 22/06/2009, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 21/2009/TT-BTTTT, bổ sung vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010.

Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông công bố bổ sung 8 huyện được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010, bao gồm: Huyện Tân Uyên thuộc Tỉnh Lai Châu; Huyện Sông Lô thuộc Tỉnh Vĩnh Phúc; Huyện Quỳnh Châu, Tương Dương, Yên Thành, Thanh Chương thuộc Tỉnh Nghệ An; Huyện Tân Phú Đông thuộc Tỉnh Tiền Giang và Huyện Châu Thành thuộc Tỉnh Sóc Trăng.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 06/08/2009.

[Một số quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng](#)

Ngày 05/06/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 54/2009/NĐ-CP, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Theo đó, mức phạt tiền cao nhất lên đến 30 triệu đồng áp dụng đối với một trong các hành vi sau: gian lận trong việc sử dụng giấy chứng nhận kiểm định hoặc dấu kiểm định hoặc tem kiểm định; làm thay đổi tình trạng kỹ thuật, đặc tính đo lường của phương tiện đo; không thực hiện việc kiểm định phương tiện đo trong thời hạn quy định theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; hành vi sản xuất, nhập khẩu hàng hoá là đối tượng phải chứng nhận hợp quy nhưng có chất lượng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đã được chứng nhận hoặc hành vi sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá có chất lượng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng...

Đối với hành vi sản xuất phương tiện đo khi chưa được phê duyệt mẫu hoặc đã được phê duyệt mẫu nhưng quyết định phê duyệt mẫu hết hiệu lực thì bị phạt tiền từ 7 - 12 triệu đồng; nếu sản xuất phương tiện đo không đúng mẫu phê duyệt sẽ bị phạt từ 15 - 20 triệu đồng.

Đối với các vi phạm về nhãn hàng hoá và mã số mã vạch như hành vi sản xuất, nhập khẩu hàng hoá có nhãn bị che lấp không đọc được hoặc không đọc được hết nội dung ghi trên nhãn hàng hoá, hoặc hàng hoá có nhãn, kể cả nhãn gốc hoặc nhãn phụ bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch thông tin về hàng hoá; sản xuất sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ tại Việt Nam (bao gồm cả gia công hàng hoá tại nước ngoài) nhưng không có nhãn bằng tiếng Việt hoặc có nhãn ghi kích thước chữ nước ngoài to hơn chữ tiếng Việt; ..., áp dụng mức phạt tiền từ 2 - 4 triệu đồng...

Nếu tổ chức, cá nhân nào sử dụng mã số mã vạch có dấu mã Quốc gia Việt Nam (893) mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch thì bị phạt tới 6 triệu đồng.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 31/07/2009, thay thế Nghị định số 126/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005; Nghị định số 95/2007/NĐ-CP ngày 04/06/2007.

[Hướng dẫn thủ tục đăng ký việc sử dụng phụ gia trong sản xuất xăng dầu](#)

Ngày 02/06/2009, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 15/2009/TT-BKHHCN, hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký việc sử dụng phụ gia không thông dụng để sản xuất, chế biến, pha chế xăng và nhiên liệu diesel.

Theo đó, để được sử dụng phụ gia không thông dụng trong sản xuất, chế biến, pha chế xăng dầu nhằm đưa vào lưu thông trên thị trường, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: (1) Được thành lập theo quy định của pháp luật và có chức năng sản xuất, chế biến xăng dầu; (2) Đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm chất lượng, bảo đảm đo lường đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu được quy định tại Thông tư số 29/2007/TT-BKHHCN ngày 25/12/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định về đăng ký kế hoạch sản xuất, chế biến, nhập khẩu nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm xăng dầu theo Thông tư số 04/2008/TT-BCT ngày 01/4/2008 của Bộ Công Thương; (3) Đã thực hiện sử dụng thí điểm phụ gia không thông dụng trong sản xuất, chế biến, pha chế xăng dầu; (4) Đăng ký và được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận đăng ký sử dụng phụ gia không thông dụng để sản xuất, chế biến, pha chế xăng dầu.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần lập hồ sơ đăng ký và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tổng cục TCĐLCL tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký thông qua Hội đồng tư vấn thẩm định. Căn cứ biên bản làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn thẩm định, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ. nếu đạt yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản việc chấp thuận đăng ký sử dụng phụ gia cho doanh nghiệp.

Thông tư này không áp dụng đối với doanh nghiệp nhập khẩu xăng dầu thành phẩm. Trường hợp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đã có văn bản cảnh báo về loại phụ gia ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe, môi trường mà các nước khác đã khuyến cáo không nên sử dụng, doanh nghiệp không được nhập khẩu xăng dầu thành phẩm có pha phụ gia đó.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 17/07/2009.

[Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới](#)

Ngày 10/06/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2009/NĐ-CP, quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới.

Theo đó, đối với mỗi hành vi vi phạm về bình đẳng giới, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là phạt cảnh cáo và phạt tiền với mức phạt tối thiểu là 200 nghìn đồng và tối đa là 40 triệu đồng.

Trong lĩnh vực lao động, hành vi áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và nữ đối với cùng công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả năng thực hiện như nhau (trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới hoặc đối với các nghề nghiệp đặc thù); hành vi sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ sẽ bị phạt tiền từ 5 - 10 triệu đồng. Hành vi không cho nam hoặc nữ trong gia đình tham gia công tác xã hội vì định kiến giới sẽ bị phạt 500.000 - 1 triệu đồng; hành vi dùng vũ lực nhằm cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính bị phạt 1 - 3 triệu đồng;...

Trong lĩnh vực chính trị, hành vi không cho nam hoặc nữ tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, HĐND; không thực hiện việc bổ nhiệm nam hoặc nữ vào cương vị quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên

Trong lĩnh vực kinh tế, hành vi quảng cáo thương mại gây bất mãn về uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ doanh nghiệp, thương nhân của một giới nhất định sẽ bị áp dụng mức phạt tiền cao nhất (40 triệu đồng).

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2009.

Một số quy định về mua sắm, sử dụng, điều chuyển, bán tài sản nhà nước

Ngày 03/06/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2009/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Theo đó, việc mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo một trong hai phương thức là mua sắm tập trung và cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện mua sắm. Phương thức mua sắm tập trung được áp dụng đối với các loại tài sản có số lượng mua sắm nhiều, tổng giá trị lớn và có yêu cầu được trang bị đồng bộ, hiện đại. Bộ trưởng và Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định danh mục tài sản mua sắm theo phương thức tập trung thuộc phạm vi quản lý.

Thu hồi tài sản nhà nước được áp dụng đối với các trường hợp: Tài sản nhà nước là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất bị bỏ trống hoặc không sử dụng quá 12 tháng; tài sản nhà nước đã trang bị cho các cơ quan nhà nước, cá nhân không đúng tiêu chuẩn, định mức; cơ quan đó không có nhu cầu hoặc giảm nhu cầu sử dụng tài sản đã được giao; cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước...

Tài sản nhà nước được bán khi cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản không còn nhu cầu sử dụng tài sản mà không xử lý theo các phương thức khác; việc sử dụng tài sản nhà nước không có hiệu quả; thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; phải thay thế tài sản do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ... Việc bán tài sản nhà nước được thực hiện bằng phương thức đấu giá công khai. Trừ một số trường hợp được bán chỉ định.

Đối với các trường hợp tài sản đã vượt quá thời gian sử dụng theo quy định của chế độ; Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc sử dụng không có hiệu quả hoặc trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quy định sẽ được phép thanh lý. Thanh lý những tài sản này được thực hiện theo phương thức bán đấu giá. Nếu tài sản là nhà và tài sản gắn liền với đất, phương tiện vận tải có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản và đơn vị tài sản này qua đánh giá còn giá trị dưới 50 triệu đồng thì được bán chỉ định thay vì bán đấu giá.

Bán chỉ định cũng áp dụng đối với trường hợp đã hết hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có 1 tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản nhà nước và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 20/07/2009.

Hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

Ngày 03/06/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 51/2009/NĐ-CP, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12, ngày 03/6/2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

Theo đó, để chứng minh là đối tượng được mua, thừa kế, tặng cho và sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì cá nhân nước ngoài phải có hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp kèm theo một trong những giấy tờ như hợp đồng thuê giữ chức danh quản lý hoặc có quyết định bổ nhiệm được lập bằng tiếng Việt nếu là người được các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam thuê giữ các chức danh quản lý; Huân chương hoặc Huy chương của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng nếu là người có công đóng góp với đất nước; giấy tờ chứng nhận kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp kèm theo hộ chiếu Việt Nam hoặc hộ khẩu thường trú và chứng minh nhân dân của vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam nếu là người kết hôn với công dân Việt Nam; ...

Để đủ điều kiện được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì cá nhân nước ngoài phải có Thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú hoặc giấy tờ chứng nhận được phép cư trú tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên do cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an cấp.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng được mua, được thừa kế, được tặng cho và sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải đang hoạt động tại Việt Nam và có Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp còn thời hạn từ một năm trở lên.

Những trường hợp đang có sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì không được sở hữu các nhà ở khác trong phạm vi toàn quốc.

Người đề nghị cấp giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nộp hồ sơ hợp lệ tại Sở Xây dựng nơi có căn hộ. Thời hạn cấp GCN quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tối đa là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2009.

Quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá quá mức

Ngày 20/05/2009, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 11/2009/TT-BCT, quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 22/9/2008 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá quá mức, đưa tin thất thiệt, buôn lậu và gian lận thương mại.

Theo đó, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, nơi giao dịch mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Việc niêm yết giá phải rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho khách hàng. Các hành vi không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ, ngoại tệ, vàng; niêm yết giá không đúng quy định, không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng; niêm yết giá hàng hóa dịch vụ bằng ngoại tệ hoặc thu tiền bán hàng hóa dịch vụ bằng ngoại tệ mà không được phép sẽ bị phạt tiền tối đa 30 triệu đồng.

Đối với hành vi găm hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở phân phối hàng hóa thì chủ sở hữu các cơ sở kinh doanh đó sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các cơ sở nêu trên có hành vi găm hàng thì chính đối tượng này bị xử phạt vi phạm hành chính.

Nếu những hành vi mang tính đầu cơ, găm hàng nhưng lại có lý do chính đáng thì sẽ không bị phạt, như: Mất điện cả khu vực khi bán xăng dầu; tại thời điểm kiểm tra hàng hóa cả trong kho và địa điểm bán hàng đều hết nên không còn hàng để bán; cắt giảm địa điểm kinh doanh để giảm chi phí hoặc địa điểm kinh doanh đó không có người mua, ít người mua.

Việc tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh có thời hạn tối đa không quá 12 tháng. Việc tước quyền sử dụng các Giấy phép kinh doanh không thời hạn là từ trên 12 tháng trở lên và chỉ áp dụng đối với hành vi vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 04/7/2009.

Khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt

Ngày 20/05/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 100/2009/TT-BTC, ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt.

Theo đó, khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư được quy định cụ thể như sau: tại các đô thị đặc biệt, đô thị loại 1 từ 3.000 đồng/m³ đến 12.000 đồng/m³; tại đô thị loại 2, loại 3, loại 4, loại 5 từ 2.000 đồng/m³ đến 10.000 đồng/m³; tại khu vực nông thôn từ 1.000 đồng/m³ đến 8.000 đồng/m³. Đối với nước sạch sinh hoạt tại khu công nghiệp thì áp dụng khung giá của đô thị tương ứng với khu công nghiệp đó.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cụ thể tại địa phương căn cứ theo nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch theo hướng dẫn của Liên Bộ Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và phát triển nông thôn và khung giá trên.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 04/07/2009

Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD trong tháng 06/2009

Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/06	16.940	17/06	16.952
02/06	16.939	18/06	16.951
03/06	16.941	19/06	16.953
04/06	16.942	20/06	16.952
05/06	16.944	23/06	16.954
06/06	16.943	24/06	16.953
09/06	16.945	25/06	16.955
10/06	16.946	26/06	16.954
11/06	16.948	27/06	16.956
12/06	16.947	30/06	16.953
13/06	16.949	-	-

Danh mục các văn bản mới trong tháng 05 và 06/2009

Chính phủ

- CV 4160/VPCP-KTTH (19/6/2009) về việc gia hạn nộp thuế.
- CT số 854/CT-TTg (19/6/2009) về việc triển khai thực hiện Kết luận số 45-KL/TW (10/4/2009) của Bộ Chính trị trong việc thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước và bổ sung chính sách chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- CV số 3882/VPCP-ĐMDN (10/6/2009) về việc ủy quyền trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp.
- ☞ND số 52/2009/NĐ-CP (03/6/2009) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.
- ☞QĐ số 88/2009/QĐ-TTg (18/6/2009) về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam.
- ☞ND số 54/2009/NĐ-CP (05/5/2009) quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- CV số 3620/VPCP-KTTH (02/6/2009) về việc điều kiện giảm, giãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- ☞ND số 51/2009/NĐ-CP (03/6/2009) về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 (03/6/2008) về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam.
- ☞ND số 53/2009/NĐ-CP (04/6/2009) về việc phát hành trái phiếu quốc tế
- CV số 3199/VPCP-KTTH (19/5/2009) về việc thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng bất động sản.
- ND 49/2009/NĐ-CP (21/5/2009) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ.

Bộ Tài chính

- CV số 7901/BTC-TCT (03/6/2009) về việc chính sách thuế TNDN đối với nhà thầu nước ngoài.
- CV số 8645/BTC-ĐT (16/6/2009) về việc yêu cầu cung cấp đủ các thông tin của dự án khi phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm.
- CV số 8769/BTC-TCDN (18/6/2009) về việc thông báo chấm dứt hoạt động Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính.
- CV số 8882/BTC-TCHQ (22/6/2009) về việc gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT.
- CV số 8908/BTC-TCHQ (22/6/2009) về việc thực hiện TT số 79/2009/TT-BTC.
- TT số 126/2009/TT-BTC (18/6/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại TT 97/2005/TT-BTC (09/11/2005) hướng dẫn cơ chế hỗ trợ tài chính đối với Khu kinh tế quốc phòng.
- TT số 127/2009/TT-BTC (19/6/2009) về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2010.
- ☞TT số 128/2009/TT-BTC (23/6/2009) về việc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo QĐ số 108/2008/QĐ-BTC (20/11/2008) của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- ☞TT số 121/2009/TT-BTC (17/6/2009) về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng quặng Apatit thuộc nhóm 2510 quy định tại biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi.
- TT 103/2009/TT-BTC (25 thán 5/2009) quy định về việc quản lý, sử dụng thanh toán và quyết toán Quỹ bảo hiểm xe cơ giới.
- TT số 116/2009/TT-BTC (05/6/2009) hướng dẫn thực hiện QĐ số 64/2009/QĐ-TTg (20/4/2009) của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành thuế năm 2009 và năm 2010.
- TT 119/2009/TT-BTC (10 thán 6/2009) hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
- TT số 117/2009/TT-BTC (05/6/2009) về việc hướng dẫn thực hiện QĐ số 63/2009/QĐ-TTg (20/4/2009) của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Hải quan năm 2009 và năm 2010.
- TT liên tịch số 111/2009/TTLT/BTC-BCT (01/6/2009) hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
- CV số 7220/BTC-CST (21/5/2009) về việc miễn thuế nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định của dự án khuyến khích đầu tư.
- ☞CV số 7083/BTC-TCT (22/5/2009) về việc thuế TNCN đối với cá nhân sáng lập Công ty TNHH một thành viên.
- ☞CV 7619/BTC-TCT (28/5/2009) về việc thuế GTGT, TNDN.
- CV số 7062/BTC-TCT (28/5/2009) về việc điều kiện khấu trừ thuế GTGT.
- TT 104/2009/TT-BTC (25 thán 5/2009) về việc quy định thực hiện QĐ số 29/2009/QĐ-TTg (20/02/2009) về việc ban hành chế độ tự chủ về biên chế và kinh phí hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- TT số 105/2009/TT-BTC (25/5/2009) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 01/2009/TT-BTC (02/01/2009) hướng dẫn thực hiện QĐ số 101/2008/QĐ-TTg (18/7/2008) của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2009-2013.

21. TT số 108/2009/TT-BTC (29/5/2009) về việc hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
22. TT số 112/2009/TT-BTC (02/6/2009) về việc hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với vận tải quốc tế và dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải.
23. TT số 113/2009/TT-BTC (02/6/2009) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 66/2009/TT-BTC (30/03/2009) về quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.
24. TT số 115/2009/TT-BTC (03/6/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 119/2008/TT-BTC (08/12/2008) hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án y tế do địa phương quản lý theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12 (03/6/2008) của Quốc hội khóa XII.
25. TT số 96/2009/TT-BTC (20/5/2009) hướng dẫn chế độ tài chính đối với Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.
26. TT số 98/2009/TT-BTC (20/5/2009) về việc hướng dẫn thủ tục và nghĩa vụ thuế đối với dầu thô cung cấp cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
27. TT số 99/2009/TT-BTC (20/5/2009) về việc ban hành định mức phí nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ nhà nước tại cửa kho Cục dự trữ quốc gia.
28. TT số 100/2009/TT-BTC (20/5/2009) về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt.

Bộ Lao động Thương binh xã hội

1. CV số 1880/LĐTBXH-LĐTL (03/6/2009) về việc bồi thường chi phí đào tạo.
2. CV số 2075/LĐTBXH-LĐTL (16/6/2009) về việc xếp hạng doanh nghiệp.
3. CV số 2077/LĐTBXH-LĐTL (16/6/2009) về việc trả trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc làm.
4. CV số 1938/LĐTBXH-LĐTL (08/6/2009) về việc xác định quỹ tiền lương thực hiện.
5. CV số 1966/LĐTBXH-LĐTL (09/6/2009) về việc giải quyết chế độ cho người lao động ở đơn vị cổ phần hóa.
6. CV số 2001/LĐTBXH-LĐTL (11/6/2009) về việc trợ cấp thôi việc và trợ cấp thất nghiệp.
7. TT số 18/2009/TT-BLĐTBXH (05/6/2009) về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.
8. Tờ trình số 28TTtr-BLĐTBXH (26/5/2009) về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với các công ty có phần vốn góp chi phối của Nhà nước.
9. CV số 1622/LĐTBXH-LĐTL (18/5/2009) về việc mức lương tối thiểu để tính đơn giá tiền lương.
10. CV số 1798/LĐTBXH-VL (29/5/2009) về việc dự báo tình hình thất nghiệp, thiếu việc làm và đề xuất chính sách.
11. TT số 18/2009/TT-BLĐTBXH (05/06/2009) về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.
12. CV số 1629/LĐTBXH-BHXH (18/5/2009) về việc tuổi của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.
13. TT số 17/2009/TT-BLĐTBXH (26/5/2009) về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 21/2003/TT-BLĐTBXH (22/9/2003) hướng dẫn thi hành một số điều của NĐ số 44/2003/NĐ-CP (09/5/2003) của Chính phủ về hợp đồng lao động.

Bộ Xây dựng

1. TT số 12/2009/TT-BXD (24/6/2009) về việc hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
2. CV số 1249/BXD-KTXD (26/6/2009) về việc hướng dẫn cung cấp hóa đơn tài chính khi thanh toán hợp đồng tư vấn theo hình thức giá hợp đồng trọn gói.
3. TT số 11/2009/TT-BXD (18/6/2009) quy định công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa kính xây dựng.
4. CV số 1028/BXD-VP (03/6/2009) về việc Công bố chỉ số giá xây dựng Quý 1/2009.

Bộ Công thương

1. TT số 13/2009/TT-BCT (03/6/2009) về việc quy định xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới nằm ngoài các Khu kinh tế cửa khẩu.
2. TT số 12/2009/TT-BCT (22/5/2009) về việc thực hiện quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN.
3. TT số 11/2009/TT-BCT (20/5/2009) về việc quy định chi tiết một số điều của NĐ số 107/2008/NĐ-CP (22/9/2008) của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá quá mức, đưa tin thất thiệt, buôn lậu và gian lận thương mại.

Bộ Tài nguyên môi trường

1. TT số 05/2009/TT-BTNMT (01/6/2009) về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.

Bộ Khoa học công nghệ

1. TT số 16/2009/TT-BKHNCN (02/6/2009) về việc hướng dẫn kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Liên bộ

1. TT liên tịch số 05/2009/TTLT-BCA-BNG (12/5/2009) về việc hướng dẫn thủ tục giải quyết cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký thường trú tại Việt Nam

Ngân hàng Nhà nước

1. CV 4700/NHNN-TCKT (22/6/2009) về việc hướng dẫn hạch toán hỗ trợ lãi suất.
2. CV 4723/NHNN-TCKT(23/6/2009) về việc hạch toán hỗ trợ lãi suất theo TT số 05/2009/TT-NHNN.
3. CV số 3982/NHNN-TT (01/6/2009) về việc sử dụng tài khoản tiền gửi cho phòng giao dịch liên kế của các ngân hàng thương mại.
4. CV số 4245/NHNN-VP (08/6/2009) về việc tài liệu liên quan đến thực hiện gói kích cầu thông qua hỗ trợ lãi suất.
5. CV số 3982/NHNN-TT (01/6/2009) về việc sử dụng tài khoản tiền gửi cho phòng giao dịch liên kế của các ngân hàng thương mại.
6. QĐ số 1349/QĐ-NHNN (02/6/2009) về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành đã hết hiệu lực pháp luật giai đoạn 01/01/2006 – 31/12/2008.
7. Chỉ thị số 01/CT-NHNN (22/5/2009) về một số biện pháp đảm bảo an toàn, hiệu quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.
8. ☞ TT số 11/2009/TT-NHNN (27/5/2009) về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 7 TT số 03/2009/TT-NHNN (02/03/2009) quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá Việt Nam đối với các ngân hàng.
9. ☞ TT số 12/2009/TT-NHNN (28/5/2009) về việc hướng dẫn một số nội dung trong cho vay có bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại ban hành theo QĐ số 14/2009/QĐ-TTg và QĐ số 60/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Cục thuế

1. CV số 2244/TCT-KK (05/6/2009) về việc chính sách thuế.
2. ☞ CV số 2245/TCT-KK (05/6/2009) về việc hướng dẫn tạm hoãn thuế.
3. CV số 2267/TCT-KK (08/6/2009) về việc thuế GTGT đối với hoạt động góp vốn đầu tư tài sản dở dang.
4. CV số 2268/TCT-KK (08/6/2009) về việc nghĩa vụ thuế của nhà thầu nước ngoài trong liên doanh.
5. CV số 2272/TCT-TNCN (08/6/2009) về việc xử lý CV của công ty cổ phần hàng không VIETJET.
6. CV số 2273/TCT-TNCN (08/6/2009) về việc thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản.
7. CV số 2275/TCT-CS (08/6/2009) về việc thuế GTGT.
8. CV số 2279/TCT-CS (08/6/2009) về việc áp dụng tỷ lệ GTGT.
9. CV số 2307/TCT-HTQT (10/6/2009) về việc miễn thuế TNCN theo Hiệp định thuế Việt Nam – Pháp.
10. ☞ CV số 2318/TCT-KK (10/6/2009) về việc hoãn thuế GTGT dự án đầu tư.
11. CV số 2319/TCT-KK (10/6/2009) về việc chính sách thuế GTGT.
12. CV số 2320/TCT-KK (10/6/2009) về việc hóa đơn, chứng từ đối với trường hợp hàng đổi hàng.
13. CV số 2348/TCT-CS (11/6/2009) về việc bán hóa đơn.
14. CV số 2352/TCT-CS (11/6/2009) về việc ưu đãi thuế TNDN đối với đơn vị sự nghiệp có thu.
15. CV số 2361/TCT-CS (11/6/2009) về việc xử lý thu tiền sử dụng đất.
16. ☞ CV số 2366/TCT-TNCN (11/6/2009) về việc thuế TNCN đối với tiền thuê nhà.
17. CV số 2374/TCT-CS (11/6/2009) về việc đăng ký mã số thuế.
18. CV số 2393/TCT-KK (12/6/2009) về việc kê khai, nộp thuế GTGT.
19. Công điện số 38/TCT-VP (12/6/2009) về việc thực hiện giãn thuế thu nhập cá nhân.
20. CV số 2101/TCT-CS (01/6/2009) về việc chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.
21. CV số 2105/TCT-CS (01/6/2009) về việc thuế suất thuế GTGT.
22. ☞ CV số 2109/TCT-KK (01/6/2009) về việc chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng xuất khẩu.
23. CV số 2110/TCT-TNCN (01/6/2009) về việc hoàn thuế và xử lý vi phạm về thuế TNCN.
24. CV số 2112/TCT-CS (01/6/2009) về việc miễn giảm tiền thuê đất.
25. CV số 2122/TCT-KK (01/6/2009) về việc hướng dẫn giảm 50% thuế GTGT đối với mặt hàng van và các tư liệu sản xuất khác.
26. ☞ CV số 2123/TCT-KK (01/6/2009) về việc khấu trừ thuế GTGT.
27. CV số 2153/TCT-KK (03/6/2009) về việc chính sách thuế GTGT.
28. CV số 2156/TCT-KK (03/6/2009) về việc hoàn thuế GTGT.
29. CV số 2159/TCT-KK (03/6/2009) về việc kê khai nộp thuế GTGT.

30. CV số 2161/TCT-KK (03/6/2009) về việc thủ tục cấp mã số thuế chi nhánh cho phòng giao dịch.
31. CV số 2165/TCT-KK (03/6/2009) về việc hoàn thuế GTGT.
32. CV số 2175/TCT-KTNB (03/6/2009) về việc giải quyết đơn khiếu nại.
33. CV số 2183/TCT-PC (03/6/2009) về việc ưu đãi thuế TNCN.
34. CV số 2185/TCT-HTQT (03/6/2009) về việc áp dụng Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Hàn Quốc.
35. CV số 2199/TCT-TNCN (04/6/2009) về việc thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản.
36. CV số 2200/TCT-PC (04/6/2009) về việc ưu đãi thuế TNDN.
37. CV số 2201/TCT-TNCN (04/6/2009) về việc vướng mắc thuế TNCN.
38. CV số 2208/TCT-CS (04/6/2009) về việc xác định chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.
39. CV số 2215/TCT-TNCN (04/6/2009) về việc chính sách thuế đối với thuế phi công, tiếp viên.
40. CV số 2232/TCT-CS (04/6/2009) về việc chính sách thuế.
41. CV số 2234/TCT-CS (10/6/2009) về việc chính sách thuế GTGT, thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng nhà để bán.
42. QĐ số 594/QĐ-TCT (10/6/2009) về việc ban hành Quy chế ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành Thuế.
43. CV số 2177/TCT-PC (03/6/2009) về việc ưu đãi thuế thu nhập cá nhân.
44. CV số 2235/TCT-TTr (04/6/2009) về việc viết hóa đơn GTGT.
45. CV số 2322/TCT-KTNB (10/6/2009) về việc xử lý tính lãi đối với số thuế nộp thừa.
46. CV số 2336/TCT-CS (10/6/2009) về việc miễn tiền thuế đất đối với dự án xử lý rác thải sinh hoạt.
47. CV số 2348/TCT-CS (11/6/2009) về việc bán hóa đơn.
48. CV số 2352/TCT-CS (11/6/2009) về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp có thu.
49. CV số 2361/TCT-CS (11/6/2009) về việc xử lý thu tiền sử dụng đất.
50. CV số 2369/TCT-CS (11/6/2009) về việc quản lý, thu thuế đối với xã viên hợp tác xã dịch vụ vận tải.
51. CV số 2108/TCT-HTQT (01/6/2009) về việc áp dụng Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Nhật Bản.
52. CV số 2111/TCT-CS (01/6/2009) về việc thuế GTGT.
53. CV số 2156/TCT-KK (03/6/2009) về việc hoàn thuế GTGT.
54. CV số 1850/TCT-PC (18/5/2009) về việc dùng xuất cảnh đối với trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế.
55. CV số 1697/TCT-TNCN (07/5/2009) về việc thuế thu nhập cá nhân đối với phụ cấp, trợ cấp do Bảo hiểm xã hội chi trả.
56. CV số 1700/TCT-CS (07/5/2009) về việc thuế suất thuế GTGT.
57. CV số 1740/TCT-KK (11/5/2009) về việc kê khai, nộp thuế GTGT.
58. CV số 1808/TCT-CS (15/5/2009) về việc tiêu dùng nội bộ.
59. CV số 1818/TCT-CS (15/5/2009) về việc thuế GTGT đối với dịch vụ xếp dỡ container.
60. CV số 1850/TCT-PC (18/5/2009) về việc dùng xuất cảnh đối với trường hợp người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế.

Tổng Cục Hải quan

1. CV số 3452/TCHQ-KTTT (15/6/2009) về việc xác định giá tính thuế nhập khẩu và thuế GTGT đối với hàng hóa tạm nhập – tái xuất.
2. CV số 2476/TCHQ-GSQL (15/6/2009) về việc nhập hàng mẫu.
3. CV số 2485/TCHQ-GSQL (16/6/2009) về việc triển khai thực hiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại.
4. CV số 2493/TCHQ-KTTT (16/6/2009) về việc thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị đối với doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài.
5. CV số 2537/TCHQ-GSQL (17/6/2009) về việc quy trình thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng.
6. CV số 3119/TCHQ-GSQL (01/6/2009) về việc tái xuất máy móc, thiết bị nhà máy.
7. CV số 3129/TCHQ-GSQL (01/6/2009) về việc áp dụng thuế suất đối với hàng hóa vượt định mức miễn thuế của cư dân biên giới.
8. CV số 3368/TCHQ-KTTT (10/6/2009) về việc thuế GTGT hàng nhập khẩu.
9. CV số 3407/TCHQ-KTTT (11/6/2009) về việc thuế nhập khẩu máy trò chơi điện tử có thưởng.
10. CV số 3419/TCHQ-KTTT (11/6/2009) về việc hoàn thuế hàng đã xuất khẩu nhưng bị trả lại.
11. CV số 3487/TCHQ-GSQL (16/6/2009) về việc thanh khoản hàng nhập sản xuất xuất khẩu.
12. CV số 3173/TCHQ-GSQL (02/6/2009) về việc nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định.
13. CV số 3174/TCHQ-GSQL (02/6/2009) về việc hướng dẫn mua hàng chưa xuất khẩu.
14. CV số 3178/TCHQ-GSQL (02/6/2009) về việc thực hiện TT 01/2009/TT-BKHCHN.

15. CV số 3183/TCHQ-KTTT (02/6/2009) về việc thuế và lệ phí hải quan cho các vật phẩm hàng không.
16. CV số 3189/TCHQ-GSQL (02/6/2009) về việc tính thuế đối với nguyên liệu mua tại Việt Nam để cung ứng cho hợp đồng gia công.
17. CV số 3225/TCHQ-KTTT (03/6/2009) về việc hướng dẫn chuyển đổi loại hình đối với hàng tạm nhập tái xuất.
18. CV số 3230/TCHQ-KTTT (03/6/2009) về việc trị giá tính thuế thiết bị viễn thông.
19. CV số 3232/TCHQ-GSQL (03/6/2009) về việc nhập khẩu hàng hóa tạo tài sản cố định.
20. CV số 3238/TCHQ-GSQL (03/6/2009) về việc thực hiện TT số 79/2009/TT-BTC.
21. CV số 3247/TCHQ-KTTT (04/6/2009) về việc vướng mắc chính sách ưu đãi đầu tư.
22. CV số 3277/TCHQ-KTTT (05/6/2009) về việc thời hạn nộp thuế xăng dầu tạm nhập tái xuất.
23. CV số 3287/TCHQ-KTTT (05/6/2009) về việc đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế.
24. CV số 3303/TCHQ-GSQL (05/6/2009) về việc cách tính định mức loại hình gia công.
25. CV số 3316/TCHQ-GSQL (09/6/2009) về việc niêm phong hàng chuyển cửa khẩu về kho ngoại quan.
26. CV số 3329/TCHQ-GSQL (09/6/2009) về việc chấm dứt thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa xuất nhập khẩu tại địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu ngoài cửa khẩu.
27. CV số 3337/TCHQ-GSQL (09/6/2009) về việc tiếp nhận hàng viện trợ.
28. CV số 3338/TCHQ-GSQL (09/6/2009) về việc chuyển nhượng xe ô tô và tái xuất hành lý.
29. CV số 3340/TCHQ-GSQL (09/6/2009) về việc thực hiện Điều 44 TT số 79/2009/TT-BTC.
30. QĐ 1127/QĐ-TCHQ (03/6/2009) về việc ban hành các biểu mẫu nghiệp vụ giám sát, quản lý về hải quan.
31. CV số 2803/TCHQ-GSQL (21/5/2009) về việc triển khai văn bản mới quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
32. CV số 2808/TCHQ-GSQL (21/5/2009) về việc thủ tục chuyển cửa khẩu đối với hàng làm mẫu phục vụ sản xuất.
33. CV số 2812/TCHQ-GSQL (21/5/2009) về việc vướng mắc TT số 116/2008/TT-BTC.
34. CV số 2901/TCHQ-GSQL (22/5/2009) về việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu chuyển cửa khẩu.
35. CV số 3006/TCHQ-GSQL (26/5/2009) về việc thủ tục hải quan đối với container vận chuyển bằng đường sắt.
36. CV số 3007/TCHQ-GSQL (26/5/2009) về việc quản lý hàng cư dân biên giới tại những nơi không có cơ quan Hải quan.
37. CV số 3120/TCHQ-GSQL (01/6/2009) về việc quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất.
38. CV số 3142/TCHQ-KTTT (01/6/2009) về việc vướng mắc hoàn thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp chế xuất.
39. CV số 3033/TCHQ-GSQL (27/5/2009) về việc thủ tục Hải quan đối với linh kiện, vật tư, bán thành phẩm xuất nhập khẩu để sửa chữa, bảo hành các sản phẩm do các doanh nghiệp chế xuất sản xuất tại Việt Nam
40. CV số 2811/TCHQ-GSQL (21/5/2009) về việc quản lý hải quan đối với doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất

Nếu bạn đọc cần thêm thông tin cũng như có ý kiến đóng góp, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo các địa chỉ sau:

Trụ sở chính:

217 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng
Tel: (0511)3655886-105 Fax: (0511)3655887
Website: <http://www.aac.com.vn>
E-mail: aac@dng.vnn.vn

Phan Xuân Vạn
Lê Khắc Minh
Nguyễn Trọng Hiếu
Trần Thị Nở

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Biên tập viên

Bản tin này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC.

AAC sẵn sàng cung cấp miễn phí các văn bản được nêu trong Bản tin cho các khách hàng thường xuyên của Công ty. Đối với các khách hàng khác, chúng tôi có thể tính một khoản phí để trang trải các chi phí hành chính. Mức phí cụ thể được quy định như sau:

- Nếu đặt mua cả năm: 350.000 đồng (12 số);
- Nếu mua không thường xuyên: 30.000 đồng/số.

Ngoài những thông tin được tóm tắt trên Bản tin định kỳ, nếu bạn đọc nào muốn được cung cấp thêm những thông tin đầy đủ thì mức phí được tính như sau:

- Cung cấp miễn phí đối với bạn đọc đặt mua cả năm trong trường hợp gửi qua Email, còn trường hợp gửi qua Bưu điện hoặc Fax thì mức phí được tính 1.500 đồng/trang;
- Đối với bạn đọc khác được cung cấp trực tiếp tại văn phòng Công ty Kiểm Toán & Kế toán (AAC), giá 2.000 đồng/trang.

Xin vui lòng thông báo ngay những thay đổi liên quan đến địa chỉ liên hệ của bạn để chúng tôi có thể đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của bạn.

